

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày 21-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Như Tạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Nội thất P; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) (*theo văn bản ủy quyền ngày 23-5-2025*) – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) – *Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.*

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là thôn 04, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) – Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2025 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Nội thất P trình bày:

Từ ngày 16-11-2018 đến ngày 25-02-2020, Công ty TNHH MTV Nội thất P (viết tắt là Công ty) nhiều lần bán vật liệu xây dựng gồm tôn, sắt, thép... cho ông Mai Văn T theo hình thức gởi đầu, tức lần lấy hàng sau ông T sẽ trả tiền cho lần lấy hàng trước. Mỗi lần ông T mua hàng thì Công ty đều lập biên nhận khách hàng, biên nhận cuối cùng là vào ngày 25-02-2020 thể hiện ông T còn nợ Công ty tổng số tiền 52.173.000 đồng, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng ông T không trả. Ngày 12-3-2025, Công ty ra Thông báo yêu cầu thanh toán công nợ, nội dung yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền 52.173.000 đồng cho Công ty trong thời gian từ ngày 12-3-2025 đến ngày 20-3-2025 nhưng đến nay ông T vẫn không trả. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho Công ty số tiền 52.173.000 đồng còn nợ và lãi suất chậm trả tính từ ngày 25-02-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính từ ngày 25-02-2020 đến ngày 19-3-2025.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Văn T trình bày:

Ông làm nghề sắt thép nên nhiều lần mua vật liệu xây dựng gồm tôn, sắt, thép hiệu NK của Công ty TNHH MTV Nội thất P. Việc mua bán theo hình thức gởi đầu, ông đã trả tiền cho Công ty nhiều lần và đang giữ nhiều biên nhận khách hàng của Công ty. Ông thừa nhận tại biên nhận khách hàng ngày 25-02-2020 thể hiện ông còn nợ Công ty số tiền 52.173.000 đồng là đúng. Tuy nhiên, ông chỉ đồng ý trả số tiền này nếu Công ty bảo hành thay tôn cho khách hàng của ông, vì tôn do Công ty cung cấp không đảm bảo chất lượng nên khách hàng không thanh toán tiền cho ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc ông phải trả lãi suất chậm trả thì ông không đồng ý, vì lỗi chậm trả tiền không phải do ông.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- Ông Nguyễn Văn S: Cách đây khoảng 04-05 năm, khi ông làm nhà thì có thuê ông T làm sắt thép. Khoảng 01 tháng sau, ông thấy mái tôn bị rỉ sét nên gọi ông T vào thay, ông T nói đã gọi cho Công ty vào kiểm tra nhưng Công ty không vào. Từ đó đến nay ông T chưa thay tôn cho ông. Loại sắt thép ông yêu cầu ông T làm là tôn sắt thép hiệu NK nhưng ông T đặt mua của Công ty loại nào thì ông không biết, ông đã thanh toán toàn bộ tiền cho ông T. Nay thời gian đã lâu nên ông không còn yêu cầu ông T phải sửa lại nhà cho ông, về yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty thì ông không có ý kiến gì.

- Anh Nguyễn Hữu K: Anh làm thuê cho ông T nên thường đến Công ty để nhận hàng thay cho ông T. Ngày 25-02-2020, anh có ký vào biên nhận khách hàng tổng số tiền 52.173.000 đồng. Anh xác nhận việc anh ký vào biên nhận

khách hàng là ký nhận hàng vì anh chỉ là người làm thuê, còn việc nợ nần giữa ông T với Công ty như thế nào thì anh không biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Nội thất P:

- Buộc ông Mai Văn T phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Nội thất P 52.173.000 đồng tiền gốc và lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 20-3-2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Về án phí: Buộc ông Mai Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Nội thất P số tiền tạm ứng án phí 1.304.000 đồng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định bà Lê Thị M (*vợ ông Nguyễn Trọng H - Giám đốc Công ty*) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày tài sản mà Công ty bán cho ông T là tài sản của Công ty, không phải tài sản của vợ chồng ông H, bà M nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách đương sự, không đưa bà M vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Nội thất P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về số tiền ông T còn nợ Công ty: Công ty cho rằng ông T còn nợ Công ty tổng số tiền mua vật liệu xây dựng là 52.173.000 đồng theo biên nhận khách hàng ngày 25-02-2020; ông T thừa nhận ông T còn nợ Công ty số tiền 52.173.000 đồng theo biên nhận khách hàng ngày 25-02-2020 là đúng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về thời hạn thanh toán:

Công ty trình bày Công ty bán vật liệu xây dựng cho ông T theo hình thức gởi đầu, tức lần lấy hàng sau ông T sẽ trả tiền cho lần lấy hàng trước; lần cuối cùng ông T mua hàng là vào ngày 25-02-2020 nhưng hai bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản”*. Tuy nhiên, ngày 12-3-2025 Công ty ra Thông báo yêu cầu thanh toán công nợ, nội dung yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền 52.173.000 đồng cho Công ty trong thời gian từ ngày 12-3-2025 đến ngày 20-3-2025, nếu ông T không thanh toán thì Công ty sẽ khởi kiện. Như vậy, Công ty đã tự ấn định thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 20-3-2025 (*có lợi hơn cho ông T*) nên cần xác định thời hạn ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty là vào ngày 20-3-2025.

Ông T cho rằng lý do ông chưa thanh toán cho Công ty là vì loại tôn sắt thép mà ông mua của Công ty là tôn sắt thép hiệu NK, có bảo hành nhưng Công ty không bảo hành khi tôn bị rỉ sét, tuy nhiên Công ty không thừa nhận mà cho rằng ông T chỉ mua tôn sắt thép loại thường, không bảo hành; ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Đến ngày 20-3-2025, ông T chưa thanh toán cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc buộc ông T phải thanh toán cho Công ty số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 52.173.000 đồng.

[2.3]. Về tiền lãi chậm thanh toán:

[2.3.1]. Như đã nhận định tại mục [2.2], Công ty tự ấn định thời hạn thanh toán từ ngày 12-3-2025 đến ngày 20-3-2025. Như vậy, lãi suất chậm thanh toán được tính từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ (*ngày 20-3-2025*) đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 21-8-2025*), tổng 05 tháng 01 ngày.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Do hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng, 0,0278%/ngày.

Như vậy, số tiền lãi ông T phải trả cho Công ty được tính như sau:
(52.173.000 đồng x 05 tháng x 0,833%) + (52.173.000 đồng x 01 ngày x

0,0278%) = 2.188.000 đồng (đã làm tròn).

[2.3.2]. Ngày 04-8-2025, Công ty đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính từ ngày 25-02-2020 đến ngày 19-3-2025. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty.

[2.4]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc buộc ông T phải thanh toán cho Công ty số tiền mua hàng còn nợ là 52.173.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 20-3-2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-8-2025) số tiền 2.188.000 đồng, tổng cộng là 54.361.000 đồng.

[2.5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); các Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Nội thất P: Buộc ông Mai Văn T phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Nội thất P số tiền mua hàng còn nợ là 52.173.000đ (*năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 20-3-2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-8-2025) số tiền 2.188.000đ (*hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng*); tổng cộng là 54.361.000đ (*năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Nội thất P về việc buộc ông Mai Văn T phải trả số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 25-02-2020 đến ngày 19-3-2025.

3. Về án phí:

3.1. Trả lại cho Công ty TNHH MTV Nội thất P số tiền 1.304.000đ (*một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 29-4-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực Y - Lâm Đồng*).

3.2. Buộc ông Mai Văn T phải chịu 2.718.000đ (*hai triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực Y - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang